

Số: /BC- TTYT

Trà Cú, ngày 10 tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 01 NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 02 NĂM 2022**

A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 01 NĂM 2022

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Trọng tâm là công tác phòng, chống dịch bệnh:
 - Chỉ đạo các khoa, phòng, trạm y tế thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch bệnh, trọng tâm là dịch Covid – 19; đảm bảo bệnh viện, phòng khám an toàn trong KB - CB.
 - Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát chỉ đạo tuyến công tác quản lý F0, F1, người cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà của các xã.
 - Tổ chức tập huấn cho trạm y tế việc đánh giá cấp độ dịch theo Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 07/12/2021.
 - Tập huấn xét nghiệm test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2, quy trình xử lý khi có F0 trong trường học cho cán bộ, giáo viên trên địa bàn huyện.
 - Triển khai thực hiện test nhanh định kỳ mẫu gộp 3 cho NVYT, bệnh nhân nội trú và người nhà người bệnh nhân nội trú 01 tuần/lần theo hướng dẫn tại Công văn số 4463/SYT-NVD ngày 21/12/2021 của Sở Y tế.
 - Chỉ đạo triển khai 06 đợt tiêm chủng vắc xin phòng Covid – 19.
2. Đảm bảo việc cung cấp ứng thuốc, VTYT, hóa chất, sinh phẩm, trang thiết bị y tế để phục vụ người bệnh trong KB - CB, phòng chống dịch bệnh và thực hiện chương trình mục tiêu y tế.
3. Tổ chức báo cáo nghiệm thu đề tài NCKH, sáng kiến năm 2021 (04 đề tài và 01 sáng kiến).
4. Chuẩn bị công tác Hội nghị CBCCVC năm 2022.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh:

1.1. Tình hình F0, F1, F2 trên địa bàn:

- Trong tháng có 1.782 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó thuộc địa bàn huyện 1.781, địa phương khác 01 (phụ lục 12):
 - + 1.423 trường hợp trong cộng đồng.
 - + 108 trường hợp trong khu phong tỏa.
 - + 218 trường hợp tại các khu cách ly/tại nhà.
 - + Tại cơ sở y tế 33 trường hợp.
- Các địa phương có số mắc F0 cao gồm Phước Hưng 232, Hàm Giang 193, Ngãi Xuyên 181, Long Hiệp 152, Lưu Nghiệp Anh 144, Ngọc Biên 120, Tân Hiệp 114....

- Tính đến ngày 31/12/2021 có 4.482 trường hợp F0 (thuộc địa bàn huyện 4.449, địa phương khác 33).

- Truy vết được 2.554 trường hợp F1 và 265 trường hợp F2.

+ Cách ly tập trung 82 trường hợp F1, nâng tổng số 8.570 trường hợp.

+ Hoàn thành cách ly tập trung 241 trường hợp, nâng tổng số 6.838 trường hợp. Tính đến ngày 31/12/2021 còn 01 khu cách ly tập trung dành cho F1 gồm 04 trường hợp.

+ Hoàn thành cách ly y tế tại nhà 3.652 trường hợp, nâng tổng số 10.146 trường hợp, còn 590 trường hợp được cách ly y tế tại nhà (579 trường hợp F1, 11 trường hợp ngoài tỉnh).

- Ngoài ra còn 1.291 trường hợp tự theo dõi sức khỏe tại nhà (278 trường hợp F1, 707 trường hợp ngoài tỉnh và 306 trường hợp F0 hoàn thành điều trị).

1.2. Điều trị Covid-19:

- Khu điều trị bệnh Covid-19:

+ Tiếp nhận thu dung điều trị 837 trường hợp, nâng tổng số 1.844 trường hợp.

+ Chuyển viện 35 trường hợp, nâng tổng số 62 trường hợp.

+ Xuất viện 1.210 trường hợp, nâng tổng số 1.549 trường hợp.

+ Tính đến ngày 31/12/2021 còn đang điều trị 233 trường hợp.

- **Điều trị F0 tại nhà:** được triển khai thực hiện từ ngày 24/11/2021.

+ Tổng số F0 điều trị tại nhà 1.375 trường hợp, nâng tổng số 1.710 trường hợp.

+ Hoàn thành điều trị 1.078 trường hợp, nâng tổng số 1.089 trường hợp.

+ Chuyển khu điều trị 19 trường hợp, nâng tổng số 20 trường hợp.

+ Tử vong 02 trường hợp (ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh 01, ấp Chông Bát, xã Tân Hiệp 01).

+ Tính đến ngày 31/12/2021 còn 599 trường hợp.

1.3. Phân loại đánh giá, xác định cấp độ dịch (tính đến ngày 31/12/2021):

Cấp huyện: Cấp độ 3; Cấp xã:

+ Cấp độ 3: 11/17 xã, thị trấn (Thị trấn Trà Cú, Phước Hưng, Tập Sơn, An Quảng Hữu, Ngãi Xuyên, Thanh Sơn, Hàm Giang, Định An, Ngọc Biên, Tân Hiệp, Long Hiệp).

+ Cấp độ 2: 06/17 xã, thị trấn (Lưu Nghiệp Anh, Đại An, Tân Sơn, Kim Sơn, Hàm Tân, Thị trấn Định An).

+ Cấp độ 1: không có.

1.4. Tình hình khu vực phong tỏa:

- Thiết lập vùng cách ly y tế, giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19 tại 07 khu vực thuộc 03 xã Ngọc Biên, Long Hiệp và Tân Hiệp.

+ Ấp Tha La, xã Ngọc Biên (29 hộ, 130 nhân khẩu).

+ Ấp Sà Vàn A, xã Ngọc Biên (65 hộ, 250 nhân khẩu).

+ Ấp Nô Rê, xã Long Hiệp (59 hộ, 238 nhân khẩu).

+ Ấp Chợ, xã Long Hiệp (10 hộ, 41 nhân khẩu).

+ Ấp Giồng Chanh A, xã Long Hiệp (02 khu vực, tổng số hộ 26 hộ, 102 nhân khẩu).

+ Ấp Ba Trạch A, xã Tân Hiệp (66 hộ, 253 nhân khẩu)

- Kết thúc thời gian thiết lập vùng cách ly y tế, giãn cách xã hội để phòng, chống dịch Covid-19 tại 35 khu vực. Hiện còn 02 khu vực thuộc ấp Giồng Chanh A, xã Long Hiệp (26 hộ, 102 nhân khẩu) đang bị phong tỏa.

1.5. Công tác tiêm ngừa vắc xin phòng Covid-19:

- Trong tháng triển khai 06 đợt tiêm, tổng số mũi tiêm 40.124, trong đó mũi 1 là 3.362 người, mũi 2 là 33.806, mũi 3 là 2.956 cho các đối tượng học sinh từ lớp 9-12, các xã nguy cơ cao (Kim Sơn, Lưu Nghiệp Anh, Tân Sơn), mũi II cho đối tượng còn sót lại ở các xã, thị trấn, liều bổ sung và nhắc lại cho công chức, viên chức toàn ngành y tế; Cán bộ, sỹ quan, chiến sỹ lực lượng vũ trang; Cán bộ, công chức, viên chức 03 khối: Đảng, Chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội...

- Tổng số các đợt được triển khai là 33 đợt với tổng số mũi tiêm là 211.119, trong đó mũi I 107.035, mũi II 101.128, mũi III 2.956. Tỷ lệ độ bao phủ mũi I 76,4%, độ bao phủ mũi II 72,2%, độ bao phủ mũi III 2,11% (Dân số 140.045).

1.6. Công tác xét nghiệm:

- Tổng số mẫu RT – PCR đã gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thực hiện xét nghiệm trong tháng là 7.368 mẫu.

- Xét nghiệm test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 được 36.799 người, có 1.274 người dương tính.

+ Xét nghiệm sàng lọc cộng đồng tại khu vực nguy cơ, nguy cơ cao được 11.801 người, có 387 người dương tính.

+ Xét nghiệm sàng lọc trong khu phong tỏa được 6.032 người, có 98 người dương tính

+ Xét nghiệm sàng lọc định kỳ cho khu vực chợ được 3.136 người, có 19 người dương tính.

+ Xét nghiệm sàng lọc định kỳ cho Công ty Khánh Hà, xã Tân Sơn được 47 người, có 07 người dương tính.

+ Xét nghiệm cho học sinh và giáo viên tại 04 điểm trường THPT Tập Sơn, THCS Tập Sơn, THCS Kim Sơn và THCS Thị trấn Định An được 364 người (340 học sinh, 24 giáo viên), kết quả đều âm tính.

+ Xét nghiệm sàng lọc định kỳ cho các trường hợp đang điều trị, cách ly y tế tại nhà được 1.332 người, có 104 người dương tính (02 F0, 102 F1).

+ Tại các trạm y tế 7.941 người, có 529 người dương tính; tại Bệnh viện 6.146 người, có 130 người dương tính.

1.7. Tình hình bệnh sốt xuất huyết (SXH):

- Không ca mắc mới, giảm 04 so với tháng trước, giảm 05 ca so với cùng kỳ năm 2020, không phát hiện ổ dịch mới, giảm 01 ổ so với cùng kỳ năm 2020.

- Tổ chức diệt lăng quăng tại các xã, thị trấn được 260 hộ.

- Phối hợp trạm y tế Lưu Nghiệp Anh (xã điểm) giám sát mật độ lăng quăng và muỗi được 01 lượt, các chỉ số trong giới hạn cho phép.

1.8. Bệnh tay chân miệng, bệnh sởi:

- Không ca mắc mới, không tăng/giảm ca so với tháng trước, giảm 09 ca so với cùng kỳ năm 2020.

- Chưa phát hiện ổ dịch mới.

- Bệnh sốt phát ban nghi sởi: không ca mắc mới.

2. Thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia:

2.1. Phòng chống bệnh phong (xem chi tiết phụ lục 3):

Không có ca mắc mới, tổng số bệnh phong được quản lý 10 người, tổng số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật 10 người.

2.2. Hoạt động phòng chống bệnh lây truyền qua đường tình dục (xem chi tiết phụ lục 4): số khám STI 49 lượt, số BN mới phát hiện 16 BN.

2.3. Phòng, chống bệnh lao (xem chi tiết phụ lục 5): Tổng số khám lao 70 lượt, số BN phát hiện lao các thể 03, số lam xét nghiệm lao 22.

2.4. Bảo vệ sức khỏe tâm thần và động kinh (xem chi tiết phụ lục 6):

Khám tầm soát 03 lượt, tổng số BN quản lý điều trị 262 bệnh nhân.

2.5. Hoạt động tiêm chủng mở rộng (xem chi tiết phụ lục 7):

- Số trẻ sơ sinh tiêm vắc xin VGB 14 trẻ.

- Tạm ngưng hoạt động tiêm chủng mở rộng do thiếu vắc xin.

2.6. Công tác CSSKSS-DS KHHGD (xem chi tiết phụ lục 8):

Khám thai 349 lượt, khám phụ khoa 594 lượt, điều trị phụ khoa 192 lượt.

2.7. Chương trình phòng, chống SDD (xem chi tiết phụ lục 9):

- Tổng số trẻ < 2 tuổi được quản lý 4.200 trẻ, trong đó SDD là 147 trẻ.

- Tổng số trẻ < 5 tuổi được quản lý 11.032, trong đó SDD là 730 trẻ.

- Tỷ lệ SDD cân nặng/tuổi: 3,8%, tỷ lệ SDD chiều cao/tuổi 4,64%, số trẻ <5 tuổi thoát khỏi SDD 10 trẻ, số trẻ thừa cân béo phì 48 trẻ.

2.8. Phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS (xem chi tiết phụ lục 10): Nhiễm HIV mới 00 ca, lũy tích 276 ca; nhiễm AIDS mới 00 ca, lũy tích 193 ca, đang quản lý 97 ca, điều trị ARV 73 ca.

2.9. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe:

- Phòng Điều dưỡng: truyền thông GDSK tại Bệnh viện các khoa lâm sàng được 21 lượt có 191 người dự với nội dung truyền thông về cách phòng chống dịch Covid – 19, hướng dẫn chế độ ăn, cách chăm sóc người bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, suy tim, cách nuôi con bằng sữa mẹ,..

- CSSKSS - DS KHHGD: phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức phát thanh tuyên truyền 11 cuộc ước khoảng 680 người nghe tại các trạm y tế.

3. Công tác YTCC - DD và ATTP:

3.1. Hoạt động sức khỏe môi trường, ATTP:

- Thực hiện kế hoạch giám sát chất lượng nước ăn uống và nước sinh hoạt năm 2021 theo hướng dẫn tại Công văn số 3263/SYT-NVY của Sở Y tế, kết quả thực hiện lấy mẫu nước tại 18 trạm cấp nước dưới 1000 m³/ngày đêm và 02 Công ty Giày da Mỹ Phong trên địa bàn huyện (các thông số thử nghiệm tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, hiện chưa có kết quả).

- Báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh kết quả nội kiểm chất lượng nước quý IV/2021, kết quả 18/18 trạm cấp nước đều đạt theo thông số QCVN 02:2009/BYT.

- Báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh kết quả giám sát môi trường đợt 4/2021 (nước thải, không khí), kết quả đạt.

- Phối hợp đoàn giám sát của Chi cục ATVSTP tỉnh giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm theo kế hoạch số 234/KH-ATVSTP. Qua đó mua 02 mẫu nước uống đóng chai gửi kiểm nghiệm để phục vụ cho công tác quản lý ATTP.

3.2. Hoạt động quản lý chất thải: Phối hợp phòng TC-KT bổ sung các hợp đồng thuê mướn lao động thu gom chất thải.

3.3. Hoạt động dinh dưỡng:

- Phối hợp Phòng TC-KT, các khu điều trị Covid-19 bổ sung hồ sơ quyết toán cung cấp suất ăn các khu thu dung điều trị Covid-19.

- Phối hợp các cơ sở nấu ăn cho các khu thu dung điều trị Covid-19 nghiệm thu khối lượng thực hiện hợp đồng cung cấp suất ăn đợt 1 và đợt 2 (77.590 suất).

- Tiếp nhận và bàn giao suất ăn cung cấp cho khu điều trị Covid-19 được 50.099 suất ăn và 724 suất sữa. Tư vấn dinh dưỡng cho 170 bệnh nhân nội trú.

4. Công tác y tế Thị trấn Trà Cú:

- Khám thai 39 lượt, khám phụ khoa 49 lượt, điều trị phụ khoa 27 lượt.

- Số bà mẹ được chăm sóc tuần đầu sau sinh 01 lượt; số bà mẹ được chăm sóc từ 2 đến 6 tuần sau sinh 03 lượt; cấp viên đa vi chất cho bà mẹ sau sinh 05 bà mẹ, phụ nữ mang thai 02 phụ nữ.

5. Công tác khám, chữa bệnh và phẫu thuật: (xem phụ lục 1,11,12).

- Tổng số khám 10.122 lượt.

- Tổng số BN điều trị nội trú 780, CSSDGB 44,5%.

- Tổng số BN chuyển tuyến 353 (ngoại trú 215, nội trú 138).

- So với cùng kỳ năm 2020: tổng số khám giảm 58%; điều trị nội trú giảm 57,5%; điều trị ngoại trú giảm 94,6%; phẫu thuật giảm 73,4%; xét nghiệm giảm 29,2%; X-quang giảm 63,1%; siêu âm giảm 64,8%; điện tâm đồ giảm 60,3%.

6. Công tác khác:

6.1. Công tác Tổ chức - Hành chính:

- Triển khai đầy đủ các văn bản của Bộ Y tế, Sở Y tế, Ban Chỉ đạo tỉnh, huyện đến các khoa, phòng, trạm y tế.

- Ban hành 44 Quyết định thuộc các lĩnh vực chuyên môn, chấm dứt hợp đồng làm việc, điều động, tăng cường, nâng bậc lương, bổ nhiệm vào ngạch viên chức, thành lập tổ giám sát điều trị nhiễm Covid-19 và cách ly F1 tại nhà (08 người); thành lập tổ đánh giá nguy cơ lây nhiễm SARS-CoV-2 (04 người),...

- Trình Sở Y tế việc xin hỗ trợ nhân lực cho TTYT (18 người).

- Trình UBND huyện việc xin kinh phí hỗ trợ thuê nhà nghỉ, cơm và xăng xe cho Đoàn nhân viên y tế, tình nguyện viên Bệnh viện phục hồi chức năng – Điều trị bệnh nghề nghiệp TP.HCM, với số tiền 20.770.000 đồng.

- Báo cáo công tác kê khai tài sản, thu nhập đối với Ban Giám đốc, Trưởng phòng TC-KT, thủ quỹ, các kế toán viên của phòng TC-KT, Trưởng, Phó các khoa, phòng, trạm y tế (69 người) về Sở Y tế.

6.2. Công tác chuyên môn nghiệp vụ:

- Lập kế hoạch thu dung điều trị F0 tại Trường Dân tộc nội trú quy mô 230 giường bệnh.

- Dự thảo chỉ tiêu kế hoạch hoạt động chuyên môn năm 2022 gửi Sở Y tế.

- Hoàn thành thủ tục công nhận đề tài NCKH, sáng kiến năm 2021.

- Phối hợp khoa YDCT báo cáo công tác YDCT năm 2021 về Sở Y tế.

6.3. Công tác Tài chính – Kế toán:

- Dự thảo một số nội dung sửa đổi, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022.

- Tổng hợp báo cáo và phân tích tình hình tài chính năm 2021, báo cáo tình hình mua test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2.

- Kiểm tra hồ sơ quyết toán tiền công tiêm vắc xin phòng Covid-19: Đã gửi chứng từ quyết toán từ đợt 07 - 12 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, đã gửi hồ sơ từ đợt 13 - 29 cho người phụ trách bổ sung chữ ký và trình lãnh đạo ký.

- Hoàn thiện thủ tục miễn tiền điện cho 05 cơ sở thu dung điều trị bệnh Covid-19, liên hệ với Điện nông thôn về việc bổ sung hồ sơ miễn tiền điện cho cơ sở thu dung điều trị Trường tiểu học Tân Hiệp B.

- Trình lãnh đạo ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng cung cấp suất ăn, suất sữa của 08 cơ sở thu dung điều trị bệnh Covid-19; hợp đồng thuê xe phục vụ công tác tiêm chủng; hợp đồng hỏa táng thi hài nhiễm SARS-CoV-2 tử vong tại cơ sở y tế, khu cách ly tập trung và tại các địa điểm cộng đồng trên địa bàn huyện; hợp đồng thực hiện dịch vụ cận lâm sàng cho thanh niên khám sức khỏe NVQS năm 2021 chuẩn bị nguồn tuyển quân năm 2022 (đã gửi hồ sơ cho Phòng Y tế huyện).

6.4. Công tác Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn:

- Báo cáo hoạt động chi Hội Điều dưỡng năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 về Tỉnh Hội Điều dưỡng Trà Vinh.

- Sinh hoạt Hội đồng người bệnh cấp Bệnh viện 01 lượt, cấp khoa 20 lượt có 191 người dự, đóng góp 30 ý kiến, đa số các ý kiến đều khen ngợi thái độ phục vụ của y, bác sĩ trong công tác khám chữa bệnh, khen bệnh viện có nước uống, dung dịch sát khuẩn tay, xà phòng rửa tay, quần áo, grap nệm, phòng bệnh sạch sẽ.

- Bình phiếu chăm sóc 01 hồ sơ khoa CCHS, kết quả đạt mức khá.

- Kiểm tra 12 quy trình kỹ thuật Điều dưỡng tại các khoa lâm sàng đều đạt.

- Thực hiện kiểm tra VSCN, KSNK, đeo khẩu trang (VSCN đạt 94,91%, công tác khác đều đạt).

- Hoàn thành cấy vi khuẩn trong nước tại một số vị trí trọng điểm như vòi nước rửa tay khu phẫu thuật; vòi nước uống từ các máy lọc nước lần 4/2021, kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 10:2011/BYT do Bộ Y tế ban hành.

- Phối hợp khoa XN-CDHA cấy vi sinh môi trường không khí lần 2/ 2021, đang chờ kết quả.

6.5. Công tác Dược:

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc cho các khoa lâm sàng, các trạm y tế, khu điều trị bệnh Covid-19.

- Phối hợp phòng TC-KT liên hệ với các công ty trúng thầu ký hợp đồng gói thầu thuốc do Sở Y tế đấu năm 2021-2022.

- Trình Sở Y tế việc xin đổi số lượng thuốc hướng thần (305 ống Diazepam 10mg/2ml, hạn dùng 21/01/2022).

- Tiếp nhận gói thuốc A từ Sở Y tế gồm Paracetamol 500mg, Vitamin C 500mg, 2.240 viên thuốc kháng vi rút MOLCOVIR 200mg (56 bệnh nhân).

- Thanh lý thuốc hư hỏng, hết hạn dùng và vỏ ống thuốc Gây nghiện - Hướng thần.

- Công tác quản lý, cung ứng vắc xin Covid-19:

STT	Tên vắc xin	ĐVT	Tồn đầu	Nhập	Xuất	Tồn cuối
1	AstraZeneca	Liều	5.500	0	5.500	0
2	Moderna	Liều	0	0	0	0
3	Comirnaty-Pfizer	Liều	7.782	28.362	32.910	3.234
4	Vero cell	Liều	45	0	45	0
	Tổng cộng		13.327	28.362	38.455	3.234

6.6. Công tác TTB-VTYT:

6.6.1. Trang thiết bị:

- Hoàn thành nghiệm thu gói thầu 75 thuộc công trình mở rộng Bệnh viện giai đoạn 2.

- Phối hợp Phòng KHNV xây dựng nhu cầu TTBYT cho toàn đơn vị gửi Sở Y tế.

- Ký hợp đồng với Trung Tâm Thông Tin & Ứng Dụng KHCVN Trà Vinh kiểm định các phương tiện đo tại TTYT năm 2021.

- Phối hợp khoa XN-CDHA, Ban Quản lý dự án hoàn thành việc hướng dẫn chuyên sâu cho chụp CT Scanner.

- Xây dựng hồ sơ xin viện trợ 01 xe cấp cứu chuyên dụng từ Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại TP.HCM.

6.6.2. Vật tư y tế - Hóa chất - Sinh phẩm y tế (VTYT - HC- SPYT):

- Thực hiện các công tác thường xuyên, sửa chữa TTB, kiểm tra việc sử dụng TTB, VTYT, sinh phẩm hóa chất; cung ứng, dự trữ VTYT, sinh phẩm cho khu điều trị bệnh Covid-19, các khoa và trạm y tế.

- Phối hợp phòng TC-KT kiểm kê VTYT, hóa chất, sinh phẩm, VTYT phòng, chống dịch.

- Nhận VTYT phòng, chống dịch Covid-19 từ Sở Y tế gồm trang phục chống dịch cấp độ 2: 6.000 bộ; cấp độ 4: 1.100 bộ; găng tay không bột 14.000 đôi; khẩu trang N95: 1.400 cái; cồn 70 độ 700 chai; gòn viên 24kg; khẩu trang y tế 5.000 cái; túi đựng tử thi 02 cái; que lấy mẫu dịch tỵ hầu 20.000 que; test nhanh kháng nguyên 3.000 test.

6.7. Công tác đấu thầu:

- Bổ sung hồ sơ dự toán gói thầu VTYT, hóa chất, TTBYT năm 2022 gửi Sở Y tế.

- Trình Ban Giám đốc phê duyệt E-HSMT và phát hành E-HSMT gói thầu thực hiện dịch vụ vệ sinh công nghiệp tại TTYT.

- Trình Ban Giám đốc phê duyệt kết quả thầu chọn đơn vị cung cấp vật tư tin học phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Phát hành E-HSMT gói thầu mua TTBYT phòng, chống dịch Covid-19 của TTYT tháng 12/2021.

6.8. Hoạt động Tổ Công tác xã hội:

Hướng dẫn người bệnh quy trình khám bệnh, nhập viện 1.802 lượt.

6.9. Công tác kiểm tra, giám sát:

- Phòng Điều dưỡng kiểm tra 353 HSBA, ghi nhận 26 hồ sơ lỗi như thiếu chữ ký Bác sĩ, thiếu theo dõi dịch truyền...tất cả các hồ sơ lỗi đều được phản hồi chỉnh sửa kịp thời.

- Kiểm tra 1.532 đơn thuốc ngoại trú, có 04 đơn lỗi liên quan đến xuất toán chi phí BHYT do chỉ định thuốc nhưng không có chẩn đoán liên quan.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ.

1. Những việc làm được:

1.1. Triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản tiếp nhận và ban hành mới trong đó trọng tâm các văn bản chỉ đạo trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid 19. Các khoa phòng, trạm y tế tiếp nhận và triển khai thực hiện các chỉ đạo từ Ban Giám đốc.

1.2. Công tác phòng, chống dịch Covid-19:

- Chỉ đạo, điều hành linh hoạt, phân công nhiệm vụ các khoa, phòng, khu thu dung điều trị Covid-19, tổ chuyên môn của Ban điều phối, trạm y tế đáp ứng nhanh tình hình thực tế diễn biến của dịch tại các địa phương.

- Điều động nhân lực ưu tiên cho công tác phòng chống dịch, huy động nhân lực khoa, phòng đáp ứng công tác tiêm chủng, công tác điều trị F0 trên địa bàn.

- Triển khai tiêm vắc xin đúng tiến độ, đối tượng theo kế hoạch đặt ra.

- Thực hiện tốt vệ sinh môi trường, rác thải trong các khu cách ly tập trung, khu thu dung, điều trị Covid-19.

1.3. Dịch bệnh SXH, bệnh tay chân miệng được kiểm soát.

1.4. Công tác khám chữa bệnh:

- So với tháng 12/2021 các chỉ số khám chữa bệnh, cận lâm sàng đều giảm (X-Quang và phẫu thuật tăng).

- Hoạt động khám, chữa bệnh được đảm bảo tại Bệnh viện, trạm y tế.

2. Những mặt khó khăn, hạn chế:

2.1. Tình hình dịch bệnh:

- Tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp, nguy cơ chủng mới Omicron xâm nhập là rất lớn.

- Thiếu nhân lực trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Việc trả kết quả xét nghiệm RT-PCR chậm ảnh hưởng đến công tác thu dung, điều trị, xuất viện, kiểm soát tình hình dịch bệnh.

- Nhiều trường hợp người bệnh tự test dương tính, tự mua thuốc điều trị bệnh tại nhà không báo cáo địa phương do lo sợ bị kỳ thị, tiềm ẩn nguy cơ chuyển biến nặng, đe dọa sức khỏe nếu không phát hiện kịp thời.

- Một số ca F0 có bệnh lý nền thích được điều trị tại nhà hơn nhập viện (xu thế hiện nay).

2.2. Chương trình tiêm chủng mở rộng tạm ngưng do thiếu vắc xin.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 02 NĂM 2022

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh, trọng tâm là dịch Covid – 19, đảm bảo kiểm soát được tình hình dịch bệnh trên địa bàn.

2. Đảm bảo công tác đấu thầu để cung ứng thuốc, VTYT, hóa chất, sinh phẩm test nhanh Covid, trang thiết bị y tế, trang phục phòng hộ để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, KB - CB.

3. Chuẩn bị công tác kiểm tra quản lý chất lượng bệnh viện và công tác kiểm tra y tế dự phòng năm 2021.

4. Triển khai kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các hoạt động tại các trạm y tế gồm Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã, 06 tiêu chí nông thôn mới của ngành y tế.

5. Tổ chức Hội nghị CBCCVC năm 2022.

6. Xây dựng kế hoạch hoạt động của TTYT năm 2022 và phân bổ chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 cho các khoa, phòng, trạm y tế.

II. CÁC GIẢI PHÁP:

1. Chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh.

1.1. Phòng, chống dịch Covid-19:

- Tiếp tục quản lý công tác điều trị F0, theo dõi phát hiện sớm dấu hiệu, triệu chứng bất thường để xử lý kịp thời, tăng cường công tác quản lý F1, F2 cách ly tại nhà đúng quy định, tổ chức kiểm tra việc thực hiện quản lý điều trị F0, F1 tại nhà.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phòng chống dịch bệnh theo phương châm 5K + vắc xin.

- Thiết lập vùng cách ly y tế phù hợp khi địa phương có ca bệnh tránh mềm dẻo làm dịch kéo dài.

- Phối hợp với ngành giáo dục xét nghiệm sàng lọc đầu vào cho các em nhập học ở khu vực có cấp độ 2.

- Duy trì xét nghiệm sàng lọc định kỳ cho các hộ tiểu thương ở các chợ, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện và khu vực thiết lập phong tỏa.

- Tổ chức tiêm chủng an toàn, đúng tiến độ theo kế hoạch phân bổ vắc xin được giao.

- Đảm bảo công tác hậu cần:

+ Cung ứng VTYT, sinh phẩm, trang phục phòng hộ, hóa chất cho công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, công tác điều trị F0 tại các khu điều trị và tại nhà.

+ Quản lý, bảo quản, cấp phát nguồn vắc xin phòng chống dịch Covid-19, báo cáo thống kê số lượng đúng quy định.

1.2. Giám sát và kiểm tra công tác phòng chống dịch SXH, TCM không để phát sinh ổ dịch lớn, không để diễn biến bệnh nặng.

2. Đảm bảo cung ứng thuốc, VTYT, hóa chất, sinh phẩm test nhanh Covid, trang thiết bị y tế, trang phục phòng hộ để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh, KB - CB.

- Phòng TTB-VTYT tham mưu Ban giám đốc các phương án cung ứng test nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 cho xét nghiệm sàng lọc phòng, chống dịch Covid-19; có kế hoạch cấp phát và kiểm tra việc sử dụng VTYT, trang phục phòng hộ trong phòng chống dịch bệnh.

- Khoa Dược, phòng TTB-VTYT tham mưu cho Tổ đấu thầu, Ban Giám đốc công tác đấu thầu, phương án mua cung ứng thuốc, VTYT, đảm bảo không để

thiếu thuốc, VTYT... trình Ban Giám đốc giải quyết khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Chuẩn bị công tác kiểm tra QLCL Bệnh viện và công tác kiểm tra y tế dự phòng năm 2021.

- Các thành viên hội đồng QLCL Bệnh viện, tổ QLCL rà soát lại các tiêu chí phụ trách. Đánh giá các tiêu chí, phối hợp khoa, phòng có liên quan để hoàn thiện các tiêu chí được giao chuẩn bị cho công tác kiểm tra cuối năm 2021.

- Tổ chức tự kiểm tra đánh giá công tác y tế dự phòng năm 2021.

4. Triển khai kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các hoạt động tại các trạm y tế gồm Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã, 06 tiêu chí nông thôn mới của ngành y tế.

- Các khoa, phòng liên quan đến công tác kiểm tra cử viên chức, chuẩn bị nội dung tài liệu, bảng kiểm thực hiện theo kế hoạch được ban hành.

- Các trạm y tế chuẩn bị tài liệu để làm việc với đoàn kiểm tra, đánh giá.

5. Tổ chức Hội nghị CBCCV năm 2022.

- Phòng KH-NV báo cáo công tác y tế năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

- Phòng TC-HC trình kế hoạch đào tạo, kết quả rà soát nhân lực và kế hoạch tuyển dụng năm 2022.

- Phòng TC-KT: báo cáo và phân tích tình hình tài chính năm 2021, xây dựng kế hoạch tài chính năm 2022.

6. Xây dựng kế hoạch hoạt động của TTYT năm 2022 và phân bổ chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 cho các khoa, phòng, trạm y tế.

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch của Sở Y tế giao năm 2022 phân bổ chỉ tiêu cho các khoa, phòng, trạm y tế.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ tiêu được giao.

7. Công tác khác:

7.1. Công tác Tổ chức - Hành chính:

- Lập kế hoạch đào tạo; kế hoạch cải cách hành chính; kế hoạch kiểm tra công vụ năm 2022.

- Tiếp tục tổng hợp báo cáo rà soát văn bằng chứng chỉ đối với cán bộ, công chức, viên chức gửi Sở Y tế.

- Thông báo tiến hành làm hồ sơ bổ nhiệm lại viên chức (03 Phó Giám đốc, 01 kế toán trưởng, 29 trưởng, phó khoa, phòng, trạm).

7.2. Công tác chuyên môn nghiệp vụ:

- Tham gia công tác nghiệp vụ Khu điều trị Covid-19.

- Tham mưu Ban Giám đốc việc giao chỉ tiêu, kế hoạch năm 2022 cho các khoa, phòng, trạm y tế khi có chỉ tiêu được giao từ Sở Y tế.

- Lập kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các hoạt động tại các trạm y tế gồm Bộ tiêu chí quốc gia y tế xã, 06 tiêu chí nông thôn mới của ngành y tế; kế hoạch năm 2022.

7.3. Công tác Tài chính – Kế toán:

- Hoàn chỉnh hợp đồng KBCB BHYT năm 2022.

- Hoàn thiện tổng hợp báo cáo và phân tích tình hình tài chính năm 2021.

- Điều chỉnh phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022 – 2026.

- Tiếp tục kiểm tra chứng từ suất ăn, chi phí điều trị của bệnh nhân Covid-19 tại 08 cơ sở thu dung điều trị tháng 12/2021.

- Gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh hồ sơ quyết toán tiền công tiêm vắc xin từ đợt 17 đến 32.

- Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2021.

- Báo cáo việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí; việc mua sắm, sử dụng TTBYT, vật tư, sinh phẩm, phương tiện phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo yêu cầu tại Công văn số 838/TTr-NV2 của Chánh Thanh tra tỉnh.

7.4. Công tác Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn:

- Tiếp tục thực hiện công việc thường xuyên của phòng và tham gia công tác kiêm nhiệm (Ban thanh tra nhân dân – Công tác xã hội).

- Lập kế hoạch thực hành vệ sinh tay cho toàn thể NVYT; kế hoạch giám sát Kiểm soát nhiễm khuẩn năm 2022.

7.5. Công tác Dược:

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc cho các khoa lâm sàng, các trạm y tế, khu điều trị bệnh Covid-19.

- Hoàn thiện thủ tục thanh lý thuốc hỏng, hết hạn dùng và vỏ ống thuốc gây nghiện hướng thân; hoàn thiện biên bản kiểm kê thuốc cuối năm 2021.

- Tổng hợp nhu cầu thuốc sử dụng dự kiến đến tháng 05/2022.

- Hoàn thiện các chứng từ xuất nhập tồn về vắc xin, vật tư tiêm chủng Covid-19.

7.6. Công tác TTB-VTYT:

- Kiểm kê TTB, y dụng cụ của các, khoa phòng, trạm.

- Cung cấp, điều chuyển các TTB, Y dụng cụ cho các khoa, phòng, trạm có nhu cầu.

- Lập kế hoạch kiểm định, đo lường an toàn bức xạ cho các thiết bị X-quang, CT Scanner, máy đo loãng xương năm 2022; kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng TTBYT, kiểm định an toàn vận hành cho các TTB theo Thông tư 33/TT-BYT/2020.

7.7. Công tác đấu thầu:

- Đánh giá E-HSMT 02 gói thầu:

+ Gói thầu thực hiện dịch vụ vệ sinh công nghiệp tại TTYT.

+ Gói thầu mua TTBYT phòng, chống dịch Covid-19 của TTYT tháng 12/2021.

- Xây dựng HSMT các gói thầu thuộc KHLCNT mua thuốc năm 2022 của TTYT.

- Theo dõi các hợp đồng thầu VTYT đã trúng thầu với các công ty; mua sắm đảm bảo số lượng sử dụng trong 3 tháng tới trước khi hết hạn hợp đồng.

- Phân chia gói thầu theo từng gói; chuẩn bị cho xây dựng KHLCNT gói thầu VTYT, hóa chất, TTBYT năm 2022 tại TTYT.

7.8. Công tác YTCC – DD và ATTP:

- Phối hợp Phòng Y tế xây dựng kế hoạch đảm bảo ATTP trong dịp Tết nguyên Đán năm 2022.

- Thống kê tai nạn thương tích, TNGT; báo cáo tình hình sử dụng nước sinh hoạt và hồ sơ vệ sinh năm 2021 về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

- Báo cáo Sở Tài nguyên & Môi trường tình công tác quản lý chất thải nguy hại năm 2021.

- Duy trì công tác tuyên truyền đảm bảo ATTP phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình bình thường mới trên địa bàn huyện.

7.9. Công tác CSSKSS-DS-KHHGD: Thực hiện công tác khám, chữa bệnh thường xuyên và cung cấp dịch vụ KHHGD.

7.10. Trạm y tế:

- Đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh trọng tâm là dịch Covid-19.

- Theo dõi, giám sát chặt chẽ tình trạng sức khỏe của các trường hợp F0 điều trị tại nhà, các trường hợp đang cách ly, theo dõi sức khỏe tại nhà, thực hiện xét nghiệm đúng quy định.

- Đảm bảo các hoạt động thường xuyên.

Trên đây là báo cáo công tác y tế tháng 01 năm 2022 và kế hoạch công tác tháng 02 năm 2022 của Trung tâm Y tế huyện Trà Cú.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (B/c);
- Phòng Y tế (B/c);
- Ban Giám đốc;
- Khoa, phòng, TYT;
- Lưu: VT, KHNV.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2021

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 01/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 01	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 01/2021	
I	Khám chữa bệnh (Phụ lục 1)								
1	TS lượt khám bệnh	Lượt	24.115		10.122	10.122		42	
	+ Bệnh viện	Lượt	15.911		5.086	5.086		32	
	+ 17 TYT	Lượt	8.204		5.036	5.036		61,4	
2	TS khám BHYT	Lượt	21.604		8.294	8.294		38,4	
	+ Bệnh viện	Lượt	14.429		3.948	3.948		27,4	
	+ 17 TYT	Lượt	7.175		4.346	4.346		60,6	
3	TS khám YHCT	Lượt	4.659		2.421	2.421		52	
	+ Bệnh viện	Lượt	1.882		424	424		22,5	
	+ 17 TYT	Lượt	2.777		1.997	1.997		71,9	
4	TS bệnh nội trú	Người	1.836		780	780		42,5	
5	TS ngày điều trị	Ngày	8.534		2.762	2.762		32,4	
6	CSSDGB	%	137,6		44,5	44,5		32,3	
7	TS điều trị ngoại trú	Người	129		7	7		5,4	
8	TS xét nghiệm	Lượt	7.354		5.203	5.203		70,8	
9	TS X - Quang	Lượt	2.192		809	809		36,9	
10	TS siêu âm	Lượt	1.638		577	577		35,2	
	+ Bệnh viện	Lượt	1.618		567	567		35	
	+ 17 TYT	Lượt	20		10	10		50	
11	TS đo điện tâm đồ	Lượt	1.573		625	625		39,7	
	+ Bệnh viện	Lượt	1.566		615	615		39,3	
	+ 17 TYT	Lượt	7		10	10		142,9	
12	TS phẫu thuật	Lượt	338		90	90		26,6	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 01/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 01	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 01/2021	
13	TS lượt châm cứu	Lượt	1.137		10	10		0,9	
	+ Bệnh viện	Lượt	567		-	-		-	
	+ 17 TYT	Lượt	570		10	10		1,8	
14	TS thang thuốc	Thang	924		312	312		33,8	
15	Chuyển tuyến trên	Lượt	614		353	353		57,5	
	+ Nội trú	Lượt	159		138	138		86,8	
	+ Ngoại trú	Lượt	455		215	215		47,3	
II	MỤC TIÊU Y TẾ & DÂN SỐ								
1	Hoạt động phòng, chống sốt rét (Phụ lục 2)								
	Tử vong do sốt rét	Người	0		0	0			
	Dịch sốt rét	Vụ	0		0	0			
	Số lam xét nghiệm	Lam	0		18	18			
	Số lượt người được điều trị sốt rét	Lượt	0		0	0			
	- Điều trị bệnh	Lượt	0		0	0			
	- Cấp thuốc tự điều trị	Lượt	0		0	0			
2	Hoạt động phòng, chống bệnh phong - Da liễu-Hoa liễu (phụ lục 3)								
	<i>Hoạt động phòng, chống bệnh phong</i>								
	Tổng số bệnh nhân phong quản lý	Người	10		10	10		100	
	Số bệnh nhân mới được phát hiện	Người	0		0	0			
	Số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật	Người	10		10	10		100	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 01/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 01	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 01/2021	
3	Hoạt động lây truyền qua đường tình dục STI (Phụ lục 4)								
	T/s khám bệnh STI	Lượt	125		49	49		39,2	
	Số bệnh nhân mới phát hiện	Người	12		16	16		133,3	
	Số bệnh nhân được quản lý điều trị	Người	12		16	16		133,3	
4	Hoạt động phòng chống lao (Phụ lục 5)								
	Tổng số lượt người khám lao	Lượt	235		70	70		29,8	
	Số bệnh nhân được phát hiện lao các thể	Người	22		3	3		13,6	
	Số bệnh nhân lao được quản lý điều trị	Người	348		116	116		33,3	
	Số lam xét nghiệm lao	Lam	188		22	22		11,7	
	AFB (+)	Người	13		3	3		23,1	
	Lao kháng thuốc	Người	0		0	0			
	Lao trẻ em	Người	0		0	0			
5	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần (phụ lục 6)								
	Tổng số lượt khám tâm soát	Lượt	-		3	3			
	Tổng số bệnh tâm thần phát hiện mới	Người	0		0	0			
	Tổng số bệnh nhân được quản lý điều trị	Người	295		262	262		88,8	
	Tổng số bệnh nhân được điều trị ổn định	Người	147		154	154		104,8	
	Tổng số bệnh nhân điều trị khỏi	Người	3		0	0			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 01/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 01	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 01/2021	
6	Tiêm chủng mở rộng (Phụ lục 7)								
	Số trẻ < 1 tuổi TC đủ liều	Trẻ	143		-	-		-	
	Số trẻ sơ sinh tiêm vắc xin viêm gan B	Trẻ	154		14	14		9,1	
	Tiêm ngừa uốn ván (VAT 2+) cho phụ nữ có thai	Phụ nữ	122		-	-		-	
	Số trẻ 13 đến 36 tháng tiêm vắc xin viêm não NB B:								
	+ Trẻ được tiêm mũi 2	Trẻ	151		-	-		-	
	+ Trẻ được tiêm mũi 3	Trẻ	139		-	-		-	
	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm vắc xin Sởi - Rubella	%	135		-	-		-	
	Tỷ lệ trẻ 18 tháng tuổi tiêm vắc xin DPT 4	%	120		-	-		-	
7	Hoạt động CSSKSS-DS KHHGD (Phụ lục 8)								
	Số lượt người khám phụ khoa	Lượt	964		594	594		61,6	
	Số lượt người điều trị phụ khoa	Lượt	490		192	192		39,2	
	Số lượt người khám thai	Lượt	559		349	349		62,4	
	Tổng số PN đẻ	Người	172		160	160		93	
	Tỷ lệ PN đẻ do CB y tế hỗ trợ	%	100		100	100		100	
	Số trẻ sơ sinh sống	Trẻ	172		161	161		93,6	
	Tỷ lệ PN khám thai ít nhất 4 lần trong 3 thời kỳ	%	95,3		97,2	97,2		102	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ tháng 01/2021	Năm 2022			So sánh (%)		Ghi chú
				Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 01	Cộng dồn	So với chỉ tiêu	So với cùng kỳ tháng 01/2021	
	Tỷ lệ mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày đầu sau sinh	%	98,3		98,6	98,6		100,3	
	Tỷ lệ mẹ, trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong tuần đầu sau sinh	%	97,7		99,3	99,3		101,6	
	Số người áp dụng các BPTT	Người							
	+ Đặt vòng	Người	110		60	60		54,5	
	+ Thuốc tiêm tránh thai	Người	20		3	3		15	
	+ Thuốc uống tránh thai	Người	322		206	206		64	
	+ Bao cao su	Người	96		68	68		70,8	
	Sàng lọc trước sinh	Ca	28		1	1		3,6	
	Sàng lọc sơ sinh	Ca	0		-	-			
8	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em (Phụ lục 9)								
	Số trẻ < 5 tuổi được quản lý	Trẻ	11.256		11.032	11.032		98	
	Số trẻ < 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng	Trẻ	23		10	10		43,5	
	Tỷ lệ SDD cân nặng/tuổi (nhẹ cân)	%	4,03		3,8	3,8		Đạt	
	Tỷ lệ SDD chiều cao/tuổi (thấp còi)	%	4,82		4,64	4,64		Đạt	
9	Phòng, chống HIV/AIDS (Phụ lục 10)								
	Nhiễm mới HIV	Người	2		0	0			
	Nhiễm mới AIDS	Người	0		0	0			

Phụ lục 11: KẾT QUẢ KCB THÁNG 01 NĂM 2022 VÀ SO SÁNH THÁNG 12 NĂM 2021

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 12/2021	Thực hiện tháng 01/2022	So sánh (%)	Ghi chú
I	Khám chữa bệnh (Phụ lục 1)					
1	TS lượt khám bệnh	Lượt	10.184	10.122	99,4	
	+ BV	Lượt	5.181	5.086	98,2	
	+ 17 TYT	Lượt	5.003	5.036	100,7	
2	TS khám BHYT	Lượt	7.945	8.294	104,4	
	+ BV	Lượt	3.908	3.948	101	
	+ 17 TYT	Lượt	4.037	4.346	107,7	
3	TS khám YHCT	Lượt	2.181	2.421	111	
	+ BV	Lượt	372	424	114	
	+ 17 TYT	Lượt	1.809	1.997	110,4	
4	TS bệnh nội trú	Người	884	780	88,2	
5	TS ngày điều trị	Ngày	3.589	2.762	77	
6	CSSDGB	%	59,8	44,5	74,4	
7	TS điều trị ngoại trú	Người	13	7	53,8	
8	TS xét nghiệm	Lượt	5.605	5.203	92,8	
9	TS X – quang	Lượt	697	809	116,1	
10	TS siêu âm	Lượt	635	577	90,9	
	+ BV	Lượt	621	567	91,3	
	+ 17 TYT	Lượt	14	10	71,4	
11	TS đo điện tâm đồ	Lượt	741	625	84,3	
	+ BV	Lượt	685	615	89,8	
	+ 17 TYT	Lượt	56	10	17,9	
12	TS phẫu thuật	Lượt	65	90	138,5	
13	TS lượt châm cứu	Lượt	625	10	1,6	
	+ BV	Lượt	154	-	-	
	+ 17 TYT	Lượt	471	10	2,1	

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 12/2021	Thực hiện tháng 01/2022	So sánh (%)	Ghi chú
14	TS thang thuốc	Thang	280	312	111,4	
15	Chuyên tuyến trên	Lượt	317	353	111,4	
	+ Nội trú	Lượt	122	138	113,1	
	+ Ngoại trú	Lượt	195	215	110,3	

Phụ lục 12: SỐ CA F0 TRONG THÁNG

Số TT	Đơn vị	Số ca F0	Số ca F0 trong cộng đồng	Khu cách ly / khu phong tỏa	CT ≥ 30	Ghi chú
1	Thị trấn Trà Cú	93	81	12	19	
2	Thị trấn Định An	48	27	21	13	
3	Xã Phước Hưng	232	183	49	35	
4	Xã Tập Sơn	68	56	12	9	
5	Xã Tân Sơn	43	36	7	12	
6	Xã An Quảng Hữu	76	56	20	14	
7	Xã Lưu Nghiệp Anh	144	116	28	25	
8	Xã Ngãi Xuyên	181	165	16	37	
9	Xã Kim Sơn	66	57	9	8	
10	Xã Thanh Sơn	92	82	10	18	
11	Xã Hàm Giang	193	113	80	57	
12	Xã Hàm Tân	50	35	15	20	
13	Xã Đại An	64	62	2	14	
14	Xã Định An	45	40	5	6	
15	Xã Ngọc Biên	120	107	13	22	
16	Xã Long Hiệp	152	128	24	20	
17	Xã Tân Hiệp	114	78	36	15	
18	Người ngoài địa phương	01	01			
	Tổng cộng	1.782	1.423	359	344	

Phụ lục 13: CUNG ỨNG THUỐC

Số TT	Nội dung	Tổng số tiền (VNĐ)
I	Tổng số tiền mua thuốc, vắc xin trong tháng.	482.947.752
1	- Thuốc tân dược	421.005.152
1.1	+ Thuốc nội	222.676.340
1.2	+ Thuốc ngoại	198.328.812
2	- Vắc xin tiêm ngừa dịch vụ	-
3	- Vị thuốc cổ truyền	23.352.200
4	- Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	38.590.400
5	- Máu, chế phẩm máu	-
II	Tổng tiền thuốc cấp cho trạm y tế (đồng)	184.873.370
1	- Tân dược	142.583.870
2	- Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	42.289.500
III	Tổng tiền thuốc sử dụng tại Bệnh viện (đồng)	706.455.768
1	- Kháng sinh	113.739.243
2	- Vitamin	31.255.602
3	- Dịch truyền	6.798.665
4	- Corticoid	11.170.568
5	- Giảm đau	64.103.849
6	- Huyết áp	52.268.814
7	- Thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền	102.123.680
8	- Vị thuốc cổ truyền	10.916.499
9	- Vắc xin tiêm ngừa dịch vụ	7.719.780
10	- Máu, chế phẩm máu	-
11	- Khác	306.359.068
IV	Chia thuốc cho Bệnh viện khác	1.320.00